| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT**<br>TỈNH LÂM ĐỒNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 348/2020/QĐST-HNGĐ | *Đà Lạt, ngày 15 tháng 9 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 476/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa:

+ Nguyên đơn: Anh **Lê Thái H**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số X, Phước T, Phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

+ Bị đơn: Chị **Võ Thị Kim T**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Số X, Phước T, Phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2020.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Thái H và chị Võ Thị Kim T.

**2**. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thái H và chị Võ Thị Kim T thoả thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh H và chị T thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung là Lê Mạnh C, sinh ngày 06/8/2003 và Lê Thái Tường V, sinh ngày 16/9/2004 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Về việc cấp dưỡng nuôi con anh H và chị T thống nhất để các bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

Đối với cháu Lê Kiều Mộng Đ, sinh ngày 01/7/1996 và Lê Bối A, sinh ngày 25/5/2000 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên anh H và chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Anh H và chị T thống nhất để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H và chị T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về án phí: Anh Lê Thái H nhận chịu 150.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017792 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Hoàn trả anh H 150.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tư nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- UBND Phường 7, thành phố Đà Lạt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thúy Ngọc**